TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 – 4 – 2023
"V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Huy Tùng.

2/ Ông Trần Hoàng Việt.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trần Quốc Dũng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 21/2023/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2022 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST–HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thạch Thị Ngọc L, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

- *Bị đơn*: Ông Thạch Q, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Thạch Thị Ngọc L trình bày:

Bà Thạch Thị Ngọc L với ông Thạch Q chung sống với nhau vào năm 2001. Đến năm 2009 mới đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 220 ngày 20/7/2009.

Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng hiện nay không còn hạnh phúc vì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi vả, ông Q bạo lực gia đình.

Về con chung: Có hai con chung tên Thạch Thị Ngọc H, sinh ngày 04/12/2002 và Thạch Đình Đình, sinh ngày 17/9/2006. Hiện đang sống cùng bà L.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Thạch Thị Ngọc L, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Q.

- Về con chung: Thạch Thị Ngọc H, sinh ngày 04/12/2002, hiện đã thành niên có khả năng nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn Thạch Đình Đ, sinh ngày 17/9/2006, yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết án, bị đơn ông Thạch Q trình bày:

Ông Q thừa nhận về tình trạng hôn nhân, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà L đã trình bày là đúng. Nhưng ông Q không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu vợ con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Thạch Thị Ngọc L ly hôn với ông Thạch Q. Về con chung: Giao cháu Thạch Đình Đ, sinh ngày 17/9/2006 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Còn Thạch Thị Ngọc H, sinh ngày 04/12/2002, hiện đã thành niên có khả năng nuôi sống bản thân nên không cần đặt ra xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay ông Thạch Q và bà Thạch Thị Ngọc L đều vắng mặt nhưng nguyên đơn bà L có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt còn ông Q thì vắng mặt lần thứ 2 không rõ lý do. Do đó căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Thạch Thị Ngọc L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Toà án cho ly hôn với ông Thạch Q. Quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị Ngọc L với ông Thạch Q là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, ông Q thường hay ghen tuông đánh đập bà L. Hai người không còn chung sống với nhau từ năm 2021, thời gian ly thân vợ chồng không ai tới lui, chăm sóc nhau. Đối với ông Q ông không đồng ý ly hôn với lý do còn thương yêu vợ con nhưng không đưa ra được những chứng cứ thuyết phục. Trong tình cảm vợ chồng phải xây dựng và phát triển từ hai phía. Quá trình hòa giải, bà L cương quyết xin ly hôn bà L cho rằng đã tạo cơ hội hàn gắn nhiều lần nhưng

ông Q không sửa chữa lỗi lầm, rất vũ phu, bạo lực gia đình. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông Q nữa. Nếu kéo dài cuộc hôn nhân này sẽ làm khổ cho cả hai và làm ảnh hưởng đến con cái. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà L yêu cầu được ly hôn với ông Q là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Thạch Thị Ngọc H, sinh ngày 04/12/2002, hiện đã thành niên có khả năng nuôi sống bản thân nên không cần xem xét, giải quyết. Còn Thạch Đình Đ, sinh ngày 17/9/2006. Hiện nay cũng sắp đến tuổi thành niên. Cháu Đ cho biết có khả năng nuôi sống bản thân nên muốn sống tự lập không muốn sống với ai. Tuy nhiên tại thời điểm Tòa án giải quyết cháu Đ chưa thành niên nên cần giao cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà L yêu cầu nên bà L phải chịu theo luật định.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Thạch Thị Ngọc L.

- Về hôn nhân: Bà Thạch Thị Ngọc L được quyền ly hôn với ông Thạch Q.

- Về con chung: Giao cháu Thạch Đình Đ, sinh ngày 17/9/2006 cho bà Thạch Thị Ngọc L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Còn cháu Thạch Thị Ngọc H, sinh ngày 04/12/2002, hiện đã thành niên có khả năng nuôi sống bản thân nên không cần đặt ra xem xét, giải quyết.

-Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Thạch Q không phải phải nộp án phí.

+ Bà Thạch Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006625 ngày 31/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà L đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng

Nơi nhận:
-VKSND huyện T;
-Chi cục THA huyện T;
-TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
-Các đương sự.
- UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh S;
-Lưu HSVA.